

BÁO CÁO

Về việc đánh giá tình hình thực hiện Chiến lược và Kế hoạch Quốc gia về Biến đổi khí hậu giai đoạn 2012 – 2020

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CỦA CHIẾN LƯỢC

1. Về giảm thiệt hại do rủi ro thiên tai

- Tình hình ban hành Kế hoạch phòng chống thiên tai: Trên cơ sở Kế hoạch của UBND tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện đã tiến hành lập kế hoạch, trong đó giao các phòng, ban, ngành cấp huyện theo chức năng nhiệm vụ xây dựng và triển khai các phương án phòng chống thiên tai và yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai đến tận thôn xóm và người dân.

- Tình hình xây dựng các công trình phòng chống thiên tai trọng điểm cấp bách; Tình hình quy hoạch và xây dựng các khu trú, tránh bão cho tàu thuyền: Trong những năm gần đây được sự quan tâm của Trung ương, UBND tỉnh, các sở, ban, ngành cấp tỉnh đã đầu tư xây dựng các công trình trọng điểm cấp bách về Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn và khu tránh trú bão cho tàu thuyền, đặc biệt là các loại tàu xa bờ, tàu có công suất lớn.

- Tình hình triển khai các phương án ứng phó thiên tai: Hàng năm, trên cơ sở quy định của Pháp luật và các văn bản Chỉ đạo của UBND tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện đã thành lập các Ban Chỉ đạo và Xây dựng kế hoạch, phương án, Ban hành các Văn bản chỉ đạo địa phương để phòng tránh, ứng phó với các loại hình thiên tai.

- Quỹ phòng chống thiên tai/Tổng kinh phí

- Các mô hình phòng, chống thiên tai hiệu quả tại địa phương: (1) Mô hình Lực lượng xung kích địa phương; (2) mô hình Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng các thôn, xóm, người dân trong địa phương.

- Số liệu về thiệt hại do thiên tai gây ra hàng năm trong giai đoạn 2012-2019 (người, tài sản).

2. Về đảm bảo an ninh lương thực và tài nguyên nước

a) An ninh lương thực

- Tổng diện tích, tỷ lệ diện tích đất dành cho sản xuất nông nghiệp qua các năm 2012 - 2019 lần lượt là 9015 ha (40%), 9000 ha (40%), 9.099 ha (41%),

9.288 ha (42%), 9.134 ha (41%), 9.283 ha (42%), 8.787 ha (40%); 8775 ha (39%);

- Tổng sản lượng lương thực hàng năm trong giai đoạn 2012-2019 lần lượt là: 17.793 tấn; 18.322 tấn; 17.891 tấn; 10.519 tấn; 20.784 tấn;

- Bình quân lương thực đầu người/năm trong các năm 2012-2019 lần lượt là: 170 kg/người; 178 kg/người; 180,5 kg/người; 184,4 kg/người; 180,1 kg/người; 105,3 kg/người; 207,0 kg/người; 209,3 kg/người.

- Các mô hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện BĐKH: Không.

- Các giống cây trồng, vật nuôi có khả năng thích ứng với BĐKH được đưa vào sản xuất: Na, Xoài...

- Các mô hình sản xuất tiên tiến hướng đến nền sản xuất nông nghiệp tiên tiến, hiện đại: Trồng dưa lưới công nghệ cao (nhà kính); trồng rau công nghệ thủy canh, nhà kính.

b) An ninh tài nguyên nước.

- Tình hình sử dụng nước của địa phương trong giai đoạn 2012-2019 và dự báo trong giai đoạn tới. Toàn huyện có 01 nhà máy nước sạch tập trung tại Xuân Mỹ do Chi nhánh cấp nước Nghi Xuân, trực thuộc Công ty Cổ phần cấp nước Hà Tĩnh làm chủ đầu tư với công suất 7.000 m³/ngày đêm, lấy nguồn nước từ hồ chứa nước Xuân Hoa xã Cổ Đạm, trữ lượng nước 9.000.000 m³. Hiện đã có 05 xã, 02 thị trấn với tổng số trên 3.500 hộ sử dụng nước sạch từ nhà máy nước. Các địa phương khác đều sử dụng nguồn nước ngầm. Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch hợp vệ sinh là 27.714/28.079 hộ, đạt 98,7% và tỉ lệ số hộ đạt QCVN 02:2009/BYT là 22.744/28.079 hộ, đạt 81%.

- Trên địa bàn huyện Nghi Xuân không xảy ra tình trạng thiếu nước sinh hoạt và nước sản xuất. Tuy vậy, một xã tại một số địa phương như Xuân Lam, Xuân Hồng còn tình trạng nước nhiễm phèn, nhiễm mặn.

- Số lượng, tỷ lệ hồ chứa đã được cải tạo, nâng cấp, tu bổ và xây mới trong giai đoạn 2012 - 2019: Đã tiến hành nâng cấp cải tạo 5 hồ chứa.

- Số lượng km, tỷ lệ đê sông, đê biển (nếu có) đã được cải tạo, nâng cấp, tu bổ và xây mới trong giai đoạn 2012 - 2019. Đã tiến hành nâng cấp cải tạo 12,8 km đê sông, xây dựng mới 4 km đê biển.

3. Về ứng phó tích cực với nước biển dâng phù hợp với các vùng dễ bị tổn thương:

- Đánh giá mức độ dễ tổn thương của BĐKH đến địa phương, các bản đồ dễ bị tổn thương do nước biển dâng. Một số địa phương ven biển trên địa bàn huyện Nghi Xuân như Xuân Hội, Xuân Trường, Xuân Đan, Xuân Phổ.... dễ bị tổn thương do nước biển dâng, đặc biệt là các công trình đê biển, dân cư ven đê trên

địa bàn xã Xuân Hội, đất sản xuất nông nghiệp...

- Tình hình xây dựng và thực hiện quy hoạch phát triển KT-XH phù hợp với điều kiện BĐKH, xâm nhập mặn và nước biển dâng. Trong xây dựng quy hoạch sử dụng đất 2016 - 2020, quy hoạch xây dựng vùng huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050; quy hoạch chung xây dựng khu vực du lịch, đô thị, thương mại ven biển Nghi Xuân - Lộc Hà đến năm 2040, tỉ lệ 1/5000 đều dựa trên kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng, xác định hành lang bảo vệ bờ biển để định hướng quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là các khu vực ven biển.

- Các biện pháp ứng phó với nước biển dâng đã và đang triển khai. Hiện nay, trên địa bàn huyện đang thi công các công trình: Nâng cấp tuyến đường ven biển Xuân Hội – Thạch Khê – Vũng Áng; Tuyến đê biển huyện Nghi Xuân đoạn K27+00 đến K37+411,66 từ xã Cổ Đạm đến đê Đại Đồng, xã Cương Gián; Dự án Nâng cấp, sửa chữa tuyến đê biển Hội Thống, đoạn từ xã Xuân Đan đến xã Xuân Hội, huyện Nghi Xuân.

- Chiều dài, tỷ lệ các đoạn đê biển xung yếu đã được nâng cấp trong giai đoạn 2012- 2019 trên địa bàn huyện: Không có.

- Số lượng dự án đầu tư xây dựng chống xâm nhập mặn tại các vùng bị ảnh hưởng nặng nề nhất trong giai đoạn 2012 - 2019 của đơn vị. Đã đầu tư xây dựng 01 trạm bơm, 02 công ngăn mặn giữ ngọt, nạo vét 5 km tuyến kênh dẫn trữ nước cho trạm bơm.

- Số lượng công trình quy mô lớn, đa mục tiêu, khu chứa nước, vùng đệm, vành đai xanh có được đầu tư xây dựng trong giai đoạn 2012- 2019 trên địa bàn tỉnh/thành phố. 02 công trình là Tuyến đê biển huyện Nghi Xuân đoạn K27+00 đến K37+411,66 từ xã Cổ Đạm đến đê Đại Đồng, xã Cương Gián và Dự án Nâng cấp, sửa chữa tuyến đê biển Hội Thống, đoạn từ xã Xuân Đan đến xã Xuân Hội, huyện Nghi Xuân.

4. Về bảo vệ, phát triển bền vững rừng, tăng cường hấp thụ khí nhà kính (KNK) và bảo tồn đa dạng sinh học.

- Tình hình công tác bảo vệ và phát triển rừng của địa phương qua các năm 2018-2019.

+ Công tác bảo vệ rừng: Trong những năm qua, cấp uỷ, chính quyền các cấp và chủ rừng đã tập trung làm tốt công tác bảo vệ rừng tại gốc; triển khai đồng bộ các giải pháp phòng cháy, chữa cháy rừng; kiểm tra giám sát chặt chẽ các cơ sở kinh doanh, chế biến lâm sản, phát hiện, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm theo quy định; Các hành vi vi phạm Luật Bảo vệ và phát triển rừng được xử lý nghiêm minh, đúng người, đúng hành vi, đúng thẩm quyền. Tuy nhiên tình trạng cháy rừng vẫn còn xảy ra trên diện tích rừng ở một số đơn vị được giao quản lý như Ban Quản lý RPH Hồng Lĩnh, Công ty Cổ phần xăng dầu Thanh Vân.

+ Công tác phát triển rừng: Đối với rừng phòng hộ: Hiện trường trồng rừng phòng hộ trên địa bàn ngày càng khó khăn, diện tích chưa có rừng chủ yếu là khe suối, đá lở đầu, xa xôi phức tạp, diện tích ven sông, ven biển một số đã giao cho hộ gia đình còn lại một số diện tích đang do UBND các xã quản lý chủ yếu đang trong chờ vào nguồn vốn nhà nước; Việc phát triển rừng sản xuất chủ yếu do các hộ gia đình tự bỏ vốn đầu tư, trồng lại rừng sau khai thác, ngân sách hỗ trợ còn hạn chế, điều kiện của người dân còn khó khăn nên chưa có điều kiện đầu tư trồng rừng thâm canh mà chủ yếu đang tự phát, quảng canh, nên năng suất trồng rừng chưa cao; kết quả từ năm 2016 đến nay trồng 18 ha (bao gồm cả trồng mới và trồng sau khai thác) trồng cây phân tán 182.500 cây.

- Diện tích các loại rừng qua các năm 2012-2018.

Theo kết quả điều chỉnh một số diện tích Quy hoạch 3 loại rừng được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2735/QĐ-UBND ngày 15/8/2019, tổng diện tích rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn huyện Nghi Xuân là 7.102,00 ha, bao gồm: Đất có rừng 4.818,75 ha (rừng tự nhiên: 378,75 ha, rừng trồng 4.440,00 ha); đất chưa có rừng: 2.283,25 ha.

Phân theo chức năng 03 loại rừng: 4.906,79 ha rừng phòng hộ (bao gồm 3.372,72 ha có rừng; 1.534,07 ha chưa có rừng); 2.195,21 ha rừng sản xuất (bao gồm 1.446,03 ha có rừng; 749,18 ha chưa có rừng).

- Tình hình triển khai các biện pháp phòng và ứng phó với cháy rừng trong giai đoạn 2012-2019: Diện tích rừng bị cháy qua các năm; Số vụ cháy rừng qua các năm 2012- 2018.

Công tác phòng cháy, chữa cháy rừng: Huyện ủy, HĐND, UBND huyện thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo triển khai công tác phòng cháy, chữa cháy rừng ngay từ đầu năm từ huyện đến các xã, chủ rừng xây dựng phương án PCCCR, kiện toàn Ban chỉ đạo, thành lập các tổ đội chữa cháy rừng, tổ chức hội nghị triển khai nhiệm vụ nhưng do thời tiết diễn biến phức tạp, nắng nóng kéo dài, từ năm 2012-2019 trên địa bàn huyện xảy ra 03 vụ cháy, diện tích 68,32 ha; cụ thể từng năm như sau: Năm 2016 xảy ra cháy rừng; Năm 2017 không xảy ra cháy rừng; Năm 2018 xảy ra 02 vụ/1,22 ha; Năm 2019 xảy ra 01 vụ/67,1 ha;

5. Về giảm nhẹ phát thải Khí nhà kính góp phần bảo vệ hệ thống khí hậu trái đất

a) Về năng lượng tái tạo, năng lượng mới

Số lượng các mô hình biogas của địa phương trong giai đoạn 2012-2019. Gồm 17 biogas của các trang trại chăn nuôi lợn tập trung và 03 cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm; ngoài ra còn có các bioga của các hộ gia đình chăn nuôi lợn nhỏ lẻ trong khu dân cư.

b) Sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng.

Có 100% hộ có chuồng trại chăn nuôi tập trung đã sử dụng biogas cho mục

đích xử lý chất thải và sử dụng khí gas làm chất đốt cho mục đích sinh hoạt.

c) Trong quản lý chất thải

- Tình hình thực hiện quản lý chất thải rắn ở địa phương: Tỷ lệ rác được thu gom, xử lý; tỷ lệ tái chế, tái sử dụng; tỷ lệ chôn lấp; tỷ lệ được chế biến làm phân bón vi sinh; tỷ lệ đốt; tỷ lệ đốt kết hợp phát điện.

Trên địa bàn huyện trung bình 01 ngày phát sinh 40 tấn rác sinh hoạt; Lượng rác thu gom xử lý đảm bảo quy định đạt 100% bằng phương pháp đốt và chôn lấp tại khu xử lý rác sinh hoạt bằng công nghệ lò đốt (chính) và chôn lấp (phụ) tại xã Xuân Thành và Cương Gián, trong đó tỷ lệ chôn lấp chiếm 20%; đốt 75%; tỉ lệ tái chế 5%.

6. Về tăng cường vai trò chủ đạo của Nhà nước trong ứng phó với biến đổi khí hậu:

- Tình hình rà soát, điều chỉnh, lồng ghép BĐKH vào các quy hoạch, kế hoạch phát triển của địa phương trong giai đoạn 2012-2019. Trong lập, xây dựng quy hoạch, cấp uỷ, chính quyền các cấp đều dựa trên kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng, xác định hành lang bảo vệ bờ biển để định hướng quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là các khu vực ven biển.

- Mô tả về tổ chức bộ máy về ứng phó với BĐKH của địa phương. Ở cấp huyện, cơ quan chủ trì tham mưu là Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp các phòng, ban, ngành. Ở cấp xã, thị trấn là công chức nông nghiệp, môi trường trực tiếp tham mưu.

- Tình hình ban hành các văn bản về ứng phó với BĐKH của địa phương: Kế hoạch ứng phó với BĐKH, Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh và Kế hoạch phòng chống thiên tai; Kế hoạch thực thi thỏa thuận Paris, Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết 24-NQ/TW: UBND huyện đã ban hành các quyết định, văn bản, kế hoạch triển khai thực hiện về phòng chống thiên tai hằng năm, triển khai nghị quyết số 24-NQ/TW tới các phòng, ban, ngành, đoàn thể cấp huyện và cấp uỷ, chính quyền địa phương cơ sở.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu và Kế hoạch hành động quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn 2012 – 2020 là căn cứ pháp lý quan trọng để các cấp, các ngành chủ động ứng phó với thiên tai và giám sát khí hậu, triển khai xây dựng được một số công trình cấp bách nhằm ứng phó tích cực với nước biển dâng; Bảo vệ, phát triển bền vững rừng; tăng cường vai trò chủ đạo của Nhà nước trong ứng phó với BĐKH.

2. Các hạn chế, yếu kém và nguyên nhân

Tuy vậy, kết quả đạt được của công tác ứng phó với thiên tai, thích ứng với

biến đổi khí hậu còn bộc lộ nhiều tồn tại, hạn chế. Vai trò phối hợp của các cấp các ngành chưa cao; hiệu quả công tác phổ biến, tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, phối hợp, thanh tra kiểm tra còn hạn chế; thiếu các quy định về pháp lý để triển khai thực hiện; nguồn ngân sách hạn chế, chưa rõ ràng; Các công trình dự án triển khai chưa đáp ứng kịp thời với nhu cầu thực tế.

3. Nguyên nhân của các hạn chế, yếu kém

- *Nguyên nhân khách quan:* Các quy định; cơ chế, chính sách; nguồn lực, kinh phí trong công tác quản lý nhà nước về biến đổi khí hậu còn nhiều bất cập, hạn chế.

- *Nguyên nhân chủ quan:* Cấp uỷ, chính quyền một số địa phương, ban, ngành chưa tập trung cao trong công tác quản lý về biến đổi khí hậu; Cơ chế phối hợp, hướng dẫn, tập huấn, tuyên truyền, thanh tra kiểm tra, tổng kết đánh giá của các cấp, các ngành chưa được tăng cường.

III. ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP THỨC ĐẨY THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC TRONG GIAI ĐOẠN 2021-2030.

Đề nghị cấp thẩm quyền nghiên cứu ban hành các cơ chế chính sách; hỗ trợ nguồn kinh phí; triển khai các công trình, dự án về biến đổi khí hậu; tăng cường công tác tập huấn, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra, tổng kết đánh giá về nội dung biến đổi khí hậu để việc thực hiện Chiến lược giai đoạn 2021 - 2030 đạt hiệu quả.

Trên đây là báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Chiến lược và Kế hoạch Quốc gia về Biến đổi khí hậu giai đoạn 2012 – 2020, Ủy ban nhân dân huyện báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường./. *Slyph*

Nơi nhận:

- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, TNMT;
- Gửi bản giấy và điện tử.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Tiến Hưng